

VINACAPITAL-VIBF

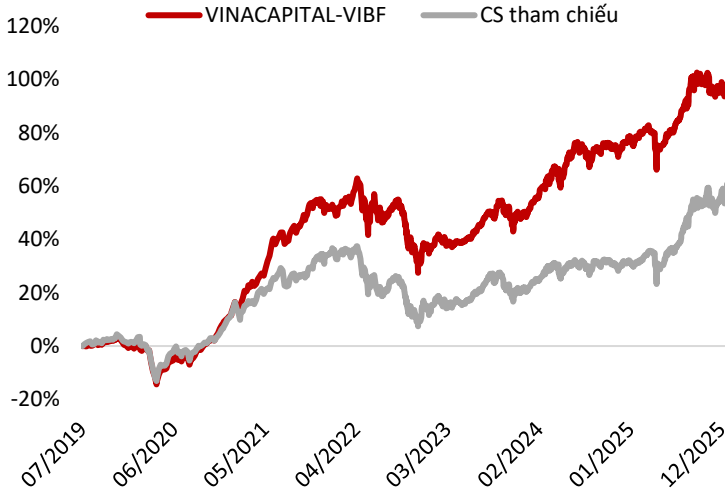
Chiến lược đầu tư

Mục tiêu của Quỹ là giúp nhà đầu tư tiếp cận được những cổ phiếu tiềm năng đồng thời đầu tư vào trái phiếu để giảm thiểu rủi ro biến động giá. Chiến lược phân bổ của Quỹ là 50:50.

Quỹ sẽ tập trung đầu tư vào danh mục các cổ phiếu của các công ty có lợi thế cạnh tranh bền vững, có thị phần lớn, năng lực quản trị tốt, tình hình tài chính vững mạnh và đang được định giá hấp dẫn so với tiềm năng tăng trưởng trong tương lai của công ty.

Quỹ cũng sẽ đầu tư vào trái phiếu, giấy tờ có giá và các sản phẩm có thu nhập cố định khác được phát hành bởi những công ty uy tín, có lợi nhuận bền vững và khả năng đáp ứng nguồn vốn tốt, trong khi vẫn đáp ứng được tỷ suất sinh lời yêu cầu của nhà đầu tư.

Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập



Dữ liệu trên là kết quả đầu tư trong quá khứ và không phản ánh hiệu quả đầu tư trong tương lai. Lợi nhuận đầu tư và vốn đầu tư sẽ thay đổi do đó Quý nhà đầu tư có thể lời hoặc lỗ khi bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị thể hiện ở trên.

Hiệu suất đầu tư của quỹ VINACAPITAL-VIBF

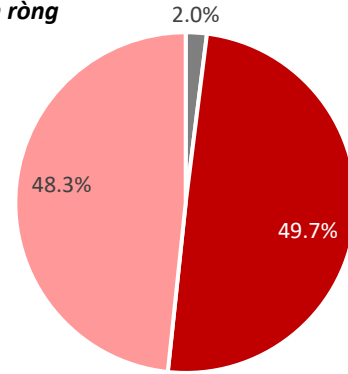
	VINACAPITAL-VIBF	CSTC
Tổng tài sản (tỷ VNĐ)	1,436.8	
Giá trị tài sản ròng/CCQ (VNĐ)	19,784.3	
Lợi nhuận tháng 12/2025 (%)	1.2	3.0
Lợi nhuận từ đầu năm 2025 (%)	10.8	22.7
Lợi nhuận kép trung bình 3 năm (%/năm)	13.2	13.5
Lợi nhuận kép trung bình 5 năm (%/năm)	11.9	7.6
Lợi nhuận kép trung bình hằng năm từ khi thành lập (%/năm)	11.1	7.6
Lợi nhuận từ ngày thành lập (%)	97.8	60.8

*CSTC: Chỉ số tham chiếu (Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý)

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: irwm@vinacapital.com
Tel: +84 28 38 27 85 35

Phân bổ tài sản

% Giá trị tài sản ròng



■ Tiền mặt ■ CD & Trái phiếu & Tiền gửi NH ■ Cổ phiếu

Thông tin quỹ

Ngày thành lập	02/07/2019
Phí quản lý	1.75%/năm
Phí phát hành	0.0%
Phí mua lại	Từ ngày 1 đến ngày 364: 2.0% Từ ngày 365 đến ngày 729: 1% Từ ngày 730 trở đi: 0%
Thuế thu nhập cá nhân	0.1%
Ngân hàng Giám sát & Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
Công ty kiểm toán	PwC Việt Nam
Tần suất giao dịch	Hàng ngày, từ Thứ Hai đến Thứ Sáu
Chỉ số tham chiếu (CSTC)	Bình quân của VN-Index và lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của Vietcombank

Chỉ số danh mục cổ phiếu

	VINACAPITAL-VIBF	CSTC
Chỉ số P/E 2026 (x)	9.6	12.2
Chỉ số P/B 2026 (x)	1.5	1.9
Chỉ số ROE 2026 (%)	17.6	15.8
Lợi suất cổ tức (%)	2.9	1.7
Số lượng chứng khoán	25	423

Chỉ số danh mục trái phiếu

	VINACAPITAL-VIBF
Thời gian đáo hạn bình quân (năm)	0.8
Lợi suất khi đáo hạn (%)	6.2

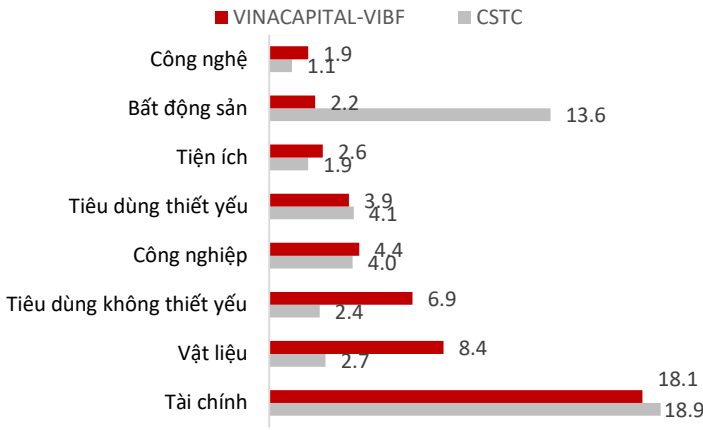
Chỉ số danh mục

	VINACAPITAL-VIBF	CSTC
Hệ số Sharpe (5 năm)	0.9	0.6

Nguồn: dự báo của VinaCapital

Phân bổ theo ngành

% Giá trị tài sản ròng



Danh mục đầu tư lớn

Tên	Ngành	Tỷ trọng (%)	
Cổ phiếu	MBB	Tài chính	5.9
	HPG	Vật liệu	3.7
	PNJ	Tiêu dùng không thiết yếu	3.1
	MWG	Tiêu dùng không thiết yếu	2.9
	CTG	Tài chính	2.8
Trái phiếu	SHB125017	Tài chính	7.7
	MSN123010	Tiêu dùng thiết yếu	7.4
	HDC12502	Bất động sản	3.3

Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VIBF

CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

Trong tháng 12/2025, tổng giá trị trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đạt 90,0 nghìn tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ năm trước. Ngân hàng và bất động sản tiếp tục là hai nhóm dẫn đầu, lần lượt chiếm 62% và 18% tổng giá trị phát hành. Lãi suất phát hành bình quân của nhóm ngân hàng khoảng 6,9% (dao động 5,8-8,2%), thấp hơn đáng kể so với mức bình quân 10,4% của nhóm bất động sản (dao động 9,0-13,5%). Kỳ hạn trái phiếu ngân hàng trung bình 4,0 năm, so với 4,3 năm của nhóm bất động sản. Nhóm Du lịch và Giải trí ghi nhận 6,5 nghìn tỷ đồng, tương đương 7% tổng giá trị phát hành, đến từ Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet, thành viên của SOVICO.

Trên thị trường trái phiếu phát hành công chúng, năm doanh nghiệp gồm May Nhà Bè, KienLongBank, VNDirect, VietABank và Hodeco đã huy động tổng cộng 3,8 nghìn tỷ đồng với lãi suất bình quân 8,0%.

Trên thị trường thứ cấp, tổng giá trị giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trong tháng đạt 176,8 nghìn tỷ đồng, tương đương 7,7 nghìn tỷ đồng mỗi phiên, tăng 39% so với bình quân tháng 11.

CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Chỉ số VN Index tăng 5,5% trong tháng 12, đóng cửa tại 1.784,5 điểm, mức cao nhất trong lịch sử. Mức tăng của thị trường trong tháng chủ yếu do nhóm cổ phiếu thuộc Tập đoàn Vingroup. Nếu loại trừ nhóm cổ phiếu này, mức tăng của VN Index trong tháng 12 chỉ đạt khoảng 0,6%. Tính chung cả năm 2025, VN Index tăng 40,9%. Tuy nhiên, mức tăng này tập trung chủ yếu vào một số nhóm ngành và cổ phiếu riêng lẻ, đặc biệt là các cổ phiếu thuộc Tập đoàn Vingroup và GELEX. Hai nhóm này đóng góp gần 75% mức tăng của chỉ số trong năm 2025.

(tt ở cột bên cạnh)

Lợi nhuận hằng tháng

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	Lợi nhuận từ đầu
2023	4.0%	-2.8%	0.6%	0.5%	1.0%	2.9%	3.8%	1.3%	-1.0%	-5.3%	3.7%	2.2%	11.2%
2024	2.6%	4.3%	3.3%	-2.6%	4.8%	0.9%	0.0%	1.3%	0.8%	-0.5%	-0.3%	2.3%	17.9%
2025	0.1%	1.4%	-1.0%	-2.2%	2.7%	2.6%	3.1%	5.3%	-1.0%	-1.0%	-0.6%	1.2%	10.8%

Thông tin quan trọng

Những thông tin trên đây do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital (“Công ty”) soạn thảo và/hoặc có thể được cập nhật, sửa đổi, điều chỉnh và xác minh thêm mà không cần phải thông báo. Thông tin trên không tạo thành và/hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc đề nghị mua hoặc đăng ký mua bất kỳ chứng khoán nào cũng như không tạo thành căn cứ hoặc liên quan đến hoặc coi như là sự dẫn dụ tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước tính và/hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ cập nhật và/hoặc chỉnh sửa nếu các tình huống có thay đổi.

Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VIBF (tt)

Thanh khoản thị trường ghi nhận sự phục hồi nhẹ trong tháng 12 sau giai đoạn suy giảm ở các tháng trước. Giá trị giao dịch bình quân hàng ngày trên cả ba sàn đạt 26,1 nghìn tỷ đồng, tăng 3,3% so với tháng 11.

Khối ngoại quay trở lại mua ròng trong tháng 12 sau bốn tháng liên tiếp bán ròng, với tổng giá trị mua ròng đạt 124 tỷ đồng trên cả ba sàn. Các cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất bao gồm MBB (+2,3 nghìn tỷ đồng) và MWG (+1,5 nghìn tỷ đồng), trong khi VIC (-4,2 nghìn tỷ đồng) dẫn đầu danh sách bị bán ròng.

Về kinh tế vĩ mô, GDP Việt Nam tăng 8,5% so với cùng kỳ trong quý IV/2025, đưa tăng trưởng GDP cả năm 2025 đạt 8,0%, hoàn thành mục tiêu của Chính phủ. Trong năm, ngành chế biến – chế tạo tiếp tục là động lực tăng trưởng chủ đạo với mức tăng 10%, đóng góp khoảng 2,5 điểm phần trăm vào tăng trưởng GDP. Hoạt động xuất khẩu, dù chịu ảnh hưởng từ chính sách thuế quan của Hoa Kỳ, vẫn ghi nhận mức tăng trưởng 17% trong năm 2025. Đầu tư công tiếp tục là điểm sáng khi chi đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ước đạt 732 nghìn tỷ đồng, tăng 38,3% so với năm 2024. Ngược lại, tiêu dùng nội địa vẫn chưa thực sự tăng tốc, với tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ sau khi loại trừ lạm phát chỉ tăng 6,7%, thấp hơn mức bình quân 8,5% của giai đoạn trước COVID.

Xét về cân đối vĩ mô, mặc dù xuất hiện một số thời điểm căng thẳng về tỷ giá và lãi suất trong năm 2025, các chính sách điều hành nhìn chung được triển khai kịp thời và hiệu quả. Lạm phát bình quân năm 2025 tăng 3,3%, thấp hơn đáng kể so với mục tiêu 4,5–5,0% của Chính phủ. Đồng Việt Nam chỉ mất giá khoảng 3,0% so với USD trong năm. Lãi suất huy động có xu hướng tăng về cuối năm do chênh lệch giữa tăng trưởng tín dụng và huy động vốn (tính đến ngày 22/12, tín dụng tăng 18% trong khi huy động tăng 14% so với cuối năm 2024), đưa lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng bình quân tại các ngân hàng thương mại lên khoảng 6,0%, cao hơn khoảng 1 điểm phần trăm so với cuối năm 2024. Tuy nhiên, Ngân hàng Nhà nước đã kịp thời hỗ trợ thanh khoản trong các giai đoạn căng thẳng, đồng thời điều hành chính sách tín dụng năm 2026 theo hướng thận trọng hơn, qua đó góp phần ổn định mặt bằng lãi suất trong trung và dài hạn.

CẬP NHẬT QUỸ VÀ TRIỂN VỌNG ĐẦU TƯ

VinaCapital-VIBF khép lại năm 2025 với mức tăng trưởng khả quan với mức tăng 10,8% giá trị tài sản ròng trên mỗi chứng chỉ quỹ, đánh dấu năm tăng trưởng thứ ba liên tiếp. Quỹ đã vượt qua những biến động ngắn hạn trong năm 2025 và tiếp tục hưởng lợi từ câu chuyện tăng trưởng dài hạn của kinh tế Việt Nam. Dù một số nhóm ngành hoặc công ty đã tăng mạnh trong năm qua nhờ kỳ vọng vào cải cách chính sách, chúng tôi cho rằng nền tảng cơ bản của doanh nghiệp sẽ trở lại là yếu tố dẫn dắt thị trường trong năm 2026, khi nhà đầu tư có thời gian đánh giá rõ hơn tác động thực sự của chính sách vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Đây là lúc dòng tiền thông minh sẽ dịch chuyển sang các cổ phiếu bị lãng quên, thường có mức cân bằng giữa lợi nhuận và rủi ro hấp dẫn hơn.

Kết quả kinh doanh quý 4 đang cho thấy sự xác nhận cho hướng đi này, khi nhiều cổ phiếu chủ lực trong danh mục quỹ ghi nhận lợi nhuận vượt kỳ vọng thị trường. Trong nhóm ngân hàng, MBB – khoản đầu tư lớn nhất của quỹ – ước đạt 33.700 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế (LNTT), tăng 17% so với năm 2024, vượt kế hoạch năm hơn 6%, riêng quý 4 tăng khoảng 30% so với cùng kỳ (svck). CTG được dự báo đạt LNTT hơn 41.000 tỷ đồng, tăng 37%, là mức cao nhất từ trước đến nay. Trong nhóm tiêu dùng, MWG duy trì đà tăng mạnh với lợi nhuận 9T2025 tăng 73% YoY, còn PNJ đã hoàn thành 82% kế hoạch năm với lợi nhuận 9 tháng đạt 1.610 tỷ đồng (+17% svck); quý 4 thường là quý có đóng góp lợi nhuận lớn nhất. Những con số này tiếp tục củng cố niềm tin của chúng tôi vào các khoản đầu tư có nền tảng vững chắc, khả năng tăng trưởng lợi nhuận rõ ràng và bền vững trong dài hạn.